

đòi và báo cáo lên cơ quan Ngân hàng và Bưu điện cấp trên những vấn đề cần giải quyết để có biện pháp chỉ đạo chung.

3. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký.

K.T. Tổng cục trưởng
Tổng cục Bưu điện
Phó tổng cục trưởng
LÊ ĐỨC NIỆM

K.T. Tổng Giám đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Phó tổng giám đốc
NGUYỄN VĂN CHUẨN

THÔNG TƯ liên Bộ số 9-TTLB/
NH/BĐ ngày 27-7-1987 về
nghiệp vụ chuyển tiền trong
nước qua Bưu điện.

Tiền gửi qua Bưu điện là tiền của người gửi rất cần chuyển nhanh chóng cho người nhận, hai ngành Bưu điện và Ngân hàng có trách nhiệm phục vụ đầy đủ và kịp thời, không được vì lý do gì để chậm trễ gây khó khăn cho người gửi và người nhận, vì vậy liên Bộ Ngân hàng Nhà nước và Tổng cục Bưu điện thống nhất quy định một số nội dung có liên quan đến hai ngành về nghiệp vụ chuyển tiền trong nước qua Bưu điện như sau :

1. Tất cả các dịch vụ chuyển tiền trong nước trả bằng tiền mặt đều do ngành Bưu điện thực hiện. Các tổ chức hoặc cá nhân có thể trích tài khoản tiền gửi của mình ở tại Ngân hàng bằng séc thanh toán hoặc ủy nhiệm chi có kèm theo danh sách những người được hưởng để Ngân hàng làm thủ tục chuyển qua Bưu điện.

Mức tiền gửi đi của 1 ngân phiếu phải thực hiện đúng các quy định của Tổng cục Bưu điện.

2. Mỗi cơ sở Bưu điện có mở nghiệp vụ chuyển tiền được mở tại Ngân hàng địa phương tài khoản « thanh toán với Bưu điện về nghiệp vụ chuyển tiền ».

3. Khi mở tài khoản tại Ngân hàng, các cơ sở Bưu điện thực hiện đúng thủ tục quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

4. Tài khoản « thanh toán với Bưu điện về nghiệp vụ chuyển tiền » chỉ sử dụng hạch toán số tiền gửi vào và lĩnh ra để thanh toán các ngân phiếu Bưu điện, không được sử dụng tài khoản này vào các mục đích khác.

5. Tài khoản « thanh toán với Bưu điện về nghiệp vụ chuyển tiền » của từng cơ sở Bưu điện có thể dư Có hoặc dư Nợ tùy theo số tiền nhận gửi nhiều hơn số phải trả hoặc ngược lại. Tổng hợp trong cả nước trên bảng cân đối tài khoản kế toán toàn ngành Ngân hàng, tài khoản này phải luôn luôn dư Có. Nếu tài khoản dư Nợ, Tổng cục Bưu điện phải tổ chức kiểm tra đối chiếu với các cơ sở Bưu điện địa phương và Ngân hàng để xử lý ngay.

6. Tài khoản « thanh toán với Bưu điện về nghiệp vụ chuyển tiền » mở tại Ngân hàng, nếu dư Có Bưu điện được hưởng lãi, nếu dư Nợ Bưu điện trả lãi Ngân hàng. Lãi suất áp dụng thống nhất (cho dư Nợ và dư Có) theo mức lãi trả cho tiền gửi của các xí nghiệp quốc doanh hiện hành.

Hàng tháng, các Ngân hàng cơ sở lập bảng kê tính lãi (theo phương pháp tích số) phần phải thu lãi riêng, phần phải trả lãi riêng (nếu có) và tính lãi để thu hoặc để trả cho ngành Bưu điện. Các bảng kê tính lãi này, sau khi có chữ ký xác nhận của Bưu điện địa phương, được gửi về Ngân hàng tỉnh, thành phố, đặc khu kèm theo giấy

báo Có hoặc giấy báo Nợ liên hàng. Ngân hàng tỉnh sẽ tổng hợp gửi về Ngân hàng Nhà nước Trung ương kèm theo giấy báo Có hoặc giấy báo Nợ liên hàng. Trên bảng kê tổng hợp này cũng phải có chữ ký xác nhận của Bưu điện tỉnh, thành phố, đặc khu. Ngân hàng Nhà nước Trung ương căn cứ các bảng kê tính lãi của các Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, đặc khu kèm theo giấy báo liên hàng để chuyển vào tài khoản cho Tổng cục Bưu điện.

7. Các cơ sở Bưu điện được lấy số tiền mặt thu về nghiệp vụ chuyển tiền để chi trả các ngân phiếu. Cuối ngày hoặc cuối kỳ quy định (3 — 5 ngày một lần), theo sự thỏa thuận giữa Ngân hàng và Bưu điện nơi mở tài khoản, Bưu điện phải thanh toán với Ngân hàng số tiền chênh lệch. Nếu thu nhiều hơn chi thì nộp phần tiền mặt lớn hơn đó vào Ngân hàng. Trường hợp chi lớn hơn thu thì ngay khi phát sinh nhu cầu, Bưu điện được lĩnh tiền mặt ở Ngân hàng về để chi trả.

8. Các cơ sở Bưu điện căn cứ vào sổ thu, chi tiền mặt chuyển tiền qua Bưu điện của quý trước để thông báo dự kiến kế hoạch tiền mặt quý sau gửi cho Ngân hàng nơi mở tài khoản, trong đó ghi tổng quát số thu, trả về nghiệp vụ chuyển tiền. Trường hợp dự kiến kế hoạch tiền mặt không sát, Bưu điện được lập kế hoạch tiền mặt bổ sung, Ngân hàng cơ sở có trách nhiệm giải quyết theo yêu cầu của Bưu điện.

9. Các đơn vị Ngân hàng cơ sở phải bảo đảm đầy đủ số tiền mặt cần thiết cho Bưu điện để chi trả các ngân phiếu theo dự kiến kế hoạch tiền mặt đôi bên đã thỏa thuận. Việc bảo đảm cung ứng tiền mặt để chi trả các ngân phiếu được ưu tiên như chi lương cho cán bộ công nhân viên Nhà nước. Nếu Ngân hàng cơ sở không cung cấp đủ tiền mặt cần thiết cho việc chi trả các chuyển tiền thì phải chịu phạt chậm trả cho Bưu điện theo tỷ lệ quy

định hiện hành đối với số tiền mặt yêu cầu trên séc lĩnh tiền trong kế hoạch tiền mặt.

10. Hàng tháng hai bên Ngân hàng và Bưu điện các cấp phải thường xuyên đối chiếu và xác nhận số dư của tài khoản, bảo đảm chính xác. Bên nào để xảy ra chênh lệch thì bên đó chịu trách nhiệm điều chỉnh và gửi báo cáo cho cấp trên trực tiếp của ngành mình vào ngày 3 tháng sau.

Cuối năm, sau khi kết toán hết tháng 12 hai bên phải đối chiếu số liệu và xác nhận số dư với nhau bảo đảm chính xác và cất chuyển số dư về Trung ương theo thời gian như sau :

— Cấp huyện, quận, thị xã cất chuyển về tỉnh, thành phố, đặc khu chậm nhất là trước ngày 10 tháng 1 năm sau.

— Cấp tỉnh, thành phố, đặc khu phải tổng hợp số liệu và đối chiếu, sau khi xác nhận đúng thì cất chuyển về Ngân hàng Nhà nước Trung ương chậm nhất là trước ngày 31 tháng 1 năm sau.

— Ngân hàng Nhà nước Trung ương và Tổng cục Bưu điện tổng hợp đối chiếu và xác nhận số liệu với nhau chậm nhất là trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

11. Ngân hàng Nhà nước Trung ương và Tổng cục Bưu điện chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể các cơ sở trực thuộc thực hiện theo đúng các quy định trong Thông tư này.

12. Các Vụ, Cục có liên quan ở Ngân hàng Nhà nước Trung ương và Tổng cục Bưu điện phối hợp tổ chức chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này, kịp thời uốn nắn các lệch lạc của địa phương và tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo lên thủ trưởng hai ngành.

13. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Thông tư số 78-TTLB/NH/BĐ ngày 14-6-1979 của liên Bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam — Tổng cục Bưu điện.

Trong khi thực hiện, có gì vướng mắc cần sửa đổi, hai bên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tổng cục Bưu điện sẽ bàn bạc thỏa thuận bổ sung.

K.T. Tổng cục trưởng
Tổng cục Bưu điện
Phó tổng cục trưởng
LÊ ĐỨC NIỆM

K.T. Tổng Giám đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Phó tổng Giám đốc
NGUYỄN VĂN CHUẨN

**THÔNG TƯ liên Bộ số 10-TTLB/
NH/BĐ ngày 27-7-1987 về việc
Bưu điện làm đại lý tiết kiệm
cho Ngân hàng.**

Đề tạo điều kiện phục vụ nhân dân thuận lợi trên tinh thần quan hệ hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa hai ngành, liên Bộ Ngân hàng Nhà nước và Tổng cục Bưu điện thống nhất Ngân hàng Nhà nước ủy nhiệm cho Bưu điện làm đại lý nghiệp vụ tiết kiệm và quy định về các cơ sở quỹ tiết kiệm và các cơ sở Bưu điện làm đại lý tiết kiệm thực hiện.

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động nghiệp vụ của Quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa ủy nhiệm cho các cơ sở Bưu điện thuộc ngành Bưu điện làm đại lý tiết kiệm.

1. Việc mở đại lý tiết kiệm tại Bưu điện phải căn cứ vào điều kiện, khả năng của từng địa phương, từng cơ sở Bưu điện và từng Quỹ tiết kiệm trên quan điểm thuận lợi cho khách hàng, an toàn về tài sản, bảo đảm chất lượng phục vụ.

2. Những người được giao làm đại lý nghiệp vụ tiết kiệm phải là những cán bộ, công nhân viên trong biên chế của ngành Bưu điện.

3. Các Bưu điện làm đại lý tiết kiệm đều được hưởng hoa hồng đồng thời phải chịu trách nhiệm về nội dung chất lượng nghiệp vụ.

4. Các quỹ tiết kiệm và các Bưu điện huyện, quận, thị xã phải ký kết hợp đồng kinh tế cụ thể, trong đó phải xác định rõ nội dung, số lượng thời gian thực hiện, chất lượng phục vụ mức thù lao hoa hồng, trách nhiệm vật chất của đôi bên.

**II. NỘI DUNG CỦA VIỆC ỦY NHIỆM
ĐẠI LÝ TIẾT KIỆM**

1. Các cơ sở Bưu điện làm đại lý tiết kiệm có nhiệm vụ thu, trả tiền gửi tiết kiệm của dân cư trong giờ mở cửa giao dịch của cơ sở Bưu điện.

2. Các cơ sở Bưu điện làm đại lý tiết kiệm được lấy số tiền mặt thu về tiết kiệm để chi trả tiền gửi tiết kiệm. Cuối ngày hay cuối kỳ thanh toán (3 hoặc 5 ngày một lần) phải làm thủ tục thanh toán với Quỹ tiết kiệm huyện, quận, thị xã về thu chi tiết kiệm trong ngày hay trong kỳ. Nếu số tiền mặt thu vào lớn hơn số chi thì nộp phần tiền mặt lớn hơn đó vào Quỹ tiết kiệm. Nếu số thu nhỏ hơn số chi thì khi phát sinh nhu cầu được nhận tiền mặt từ Quỹ tiết kiệm nơi ủy nhiệm. Đến ngày cuối tháng hai bên phải đối chiếu và thanh toán dứt điểm số thu và chi về tiết kiệm.